TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:84 /2022/DS - ST *Ngày: 24-8-2022* *V/v: "T/c quyền sử dụng đất"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thúy Vân
2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Vinh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên- Kiểm sát viên.

Ngày 18 và ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2021/TLST- DS ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150A/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1980 và chị Đoàn Thanh Ng, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: Số 188 đường M, ấp L, xã TB, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; anh N có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của anh N, chị Ng: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 96 đường Nguyễn R, Khu phố 1, Phường IV, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Theo văn bản uỷ quyền ngày 29-4-2021); có mặt.

* Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1972 và chị Mạch Thị L, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Số 190, đường M, ấp L, xã TB, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Hoàng Nh, sinh năm 1978 và chị Phan Thị Cẩm H, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: Số 186 đường M, ấp L, xã TB, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; anh Nh có mặt, chị H có đơn xin vắng mặt.

* Người làm chứng:

- Bà Lê Thị S, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 192 đường M, ấp L, xã TB, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt

- Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 207 đường M, ấp L, xã TB, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04-5-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn Th trình bày như sau:

Anh Nguyễn Hoàng N và chị Đoàn Thanh Ng đang sử dụng một phần đất do Ủy ban nhân dân thị xã Tây Ninh (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T), tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 690681 có số vào sổ cấp giấy chứng nhận H01490/TB ngày 04-9-2007 đối với diện tích đất 936 m^2, thửa đất số 247, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp L, xã TB, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Thửa đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp thửa 69; Phía Tây giáp đường 793 và thửa 68; Phía Nam giáp thửa 76; Phía Bắc giáp thửa 68.

Nguồn gốc thửa đất là do cha mẹ anh N cho. Thời điểm cha mẹ anh N còn sử dụng quyền sử dụng đất này thì ranh giới đất giữa cha mẹ anh N và đất của chị L ngăn cách bằng hàng cây vông. Sau đó, vào năm 2007 chị L, anh T phá hàng cây vông xây dựng hàng rào bằng tường 10 cm; đến năm 2019 vợ chồng anh N phát hiện vợ chồng chị L tiếp tục xây dựng hàng rào móng tường 20 cm bằng gạch, trụ xi măng bê tông cao khoảng 1m. Do hoàn cảnh vợ chồng anh N đi làm ăn xa, không thể quản lý đất chặt chẽ nên phái bị đơn lấn chiếm đất. Phần đất anh N, chị Ng bị lấn chiếm như sau: lấn chiếm về phía Đông giáp thửa 247 dài 1,23m; phía Tây giáp đường 793 dài 1,49m; phía Nam giáp thửa 247 dài 0,57m. Tổng diện tích lấn chiếm là 16 m^2.

Sau khi phát hiện sự việc anh N, chị L có làm việc với vợ chồng chị L nhiều lần và họ cũng hứa trả lại phần đất đã lấn chiếm nhưng chị L không thực hiện, mặc dù anh N đã cắm trụ bê tông làm ranh giới.

Trong quá trình sử dụng đất, vợ chồng anh N được anh vợ chồng anh trai là anh Nguyễn Hoàng Nh và chị Phan Thị Cẩm H cho cho 01 phần đất hình tam giác ở phía Nam cuối phần đất của anh N. Diện tích đất tặng cho theo giấy cho tặng đất là 75,5 m^2. Tuy nhiên qua đo đạc thể hiện bằng Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất của công ty TNHH Trắc địa và Bản đồ Miền Nam thì diện tích anh Nh, chị H tặng cho là 54 m^2.

Sau khi được tặng cho đất, vợ chồng anh N tiến hành làm thủ tục thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng với hiện trạng sử dụng đất. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh chi nhánh thành phố Tây Ninh tiến hành lập bản trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính thì vợ chồng anh N phát hiện đất bị lấn

và có nộp đơn lên Ủy ban nhân dân xã TB, thành phố T yêu cầu giải quyết tranh chấp nhưng hai bên hòa giải không thành, chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh để giải quyết.

Theo như đơn khởi kiện thì anh N, chị Ng yêu cầu chị L, anh T trả lại diện tích 16 m^2 đã lấn chiếm như nêu trên. Tuy nhiên sau khi có kết quả đo đạc thì nhận thấy phần đất mà chị L, anh T lấn chiếm chỉ có 5,8 m^2 nên ngày 07-7-2022 anh N, chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu chị L, anh T trả lại diện tích lấn chiếm là 5,8 m^2 có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp thửa 68 dài 12,30 m

Phía Nam giáp thửa 247 dài 11,51 m

Phía Đông giáp thửa 247 dài 0,62 m

Phía Tây giáp đường 793 dài 0,16 m

Nếu được chấp nhận yêu cầu khởi kiện anh N, chị Ng đồng ý phá dỡ hàng rào cũ và xây mới lại hàng rào cho phía chị L, anh T.

*** Bị đơn chị Mạch Thị L và anh Lê Văn T trình bày:**

Phần đất thuộc thửa 68, tờ bản đồ số 6, diện tích 112 m2 tọa lạc tại ấp L, xã TB, thành phố T, tỉnh Tây Ninh do Ủy ban nhân dân thị xã T nay là thành phố T), tỉnh Tây Ninh cấp cho anh T, chị L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 012975 có số vào sổ cấp giấy chứng nhận H01257/TB có nguồn gốc do cha mẹ chị L tặng cho để ở. Vào năm 2007, chị L, anh T tiến hành xây nhà và nhổ ranh hàng rào bằng hàng cây vông xây thay thế bằng hàng rào tường 10 cm; đến năm 2019 chị L, anh T xây lại hàng rào bằng tường 20 cm. Anh chị trình bày khi tiến hành thay thế, sửa chữa hàng rào có báo cho anh N, chị Ng và chủ đất giáp ranh khác biết để kiểm tra nhưng họ không có ý kiến gì.

Do đó, anh T, chị L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do theo anh chị ranh đất ổn định từ trước đến nay, và trong lúc anh chị xây nhà, xây hàng rào thì anh N, chị Ng biết nhưng không có ý kiến về ranh đất. Đồng thời, chị L, anh T yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét việc anh Nh tặng cho đất anh N có hợp pháp hay không.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng Nh trình bày như sau:*

Anh Nguyễn Hoàng Nh và chị Phan Thị Cẩm H là chủ sử dụng diện tích đất 2435m^2, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp L, xã TB, thành phố T, tỉnh Tây Ninh do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là Ủy ban nhân dân thành phố T), tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 011076 có số vào sổ cấp giấy chứng nhận H01467/TB ngày 10-8-2007.

Vào năm 2015, anh Nguyễn Hoàng Nh và chị Phan Thị Cẩm H có xây nhà kho và làm hàng rào bao quanh đất, có dư ra phần đất bị xéo nên anh chị thống

nhất cho vợ chồng anh N, phần đất tọa lạc tại ấp L, xã TB, thành phố T, tỉnh Tây Ninh phần đất nằm ở phía sau nhà kho của anh Nh. Nguồn gốc đất của anh Nh và của Ngân là do cha mẹ cho. Khi tặng cho có lập văn bản là "Giấy cho tặng đất" vào ngày 15-3-2015 trong đó có vợ chồng anh Nh và anh N cùng ký tên, diện tích đất tặng cho theo giấy là 75,5 m^2 nhưng qua qua Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất của công ty TNHH Trắc địa và Bản đồ Miền Nam thì diện tích tặng cho cho là 54 m^2. Việc tặng cho đất vợ chồng anh N không có đặt điều kiện gì, cũng không cần thanh toán hay đền bù bằng khoản tiền nào. Về việc tranh chấp giữa anh N, chị Ng với chị L, anh T anh Nh có ý kiến vợ chồng anh N, chị Ng đi làm vắng nhà thường xuyên, anh T, chị L thì xây nhà thời gian kéo dài, rảnh khi nào, xây khi ấy, ranh đất thì không ổn định nên dễ xảy ra tranh chấp. Đối với yêu cầu của anh N, chị Ng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Chị Phan Thị Cẩm H trình bày chị thống nhất với ý kiến của anh Nguyễn Hoàng Nh và có đơn xin giải quyết vắng mặt.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhận thấy; Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ theo pháp luật tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 166, 175 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng N và chị Đoàn Thanh Ng yêu cầu anh Lê Văn T và chị Mạch Thị L yêu cầu trả lại phần đất diện tích 5,8 m^2.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh Nguyễn Hoàng N và chị Đoàn Thanh Ng yêu cầu anh Lê Văn T và chị Mạch Thị L trả lại phần đất diện tích 10,2m^2.

Về án phí và chi phí tố tụng: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy :

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Hoàng N và chị Đoàn Thanh Ng có đơn khởi kiện yêu cầu chị Mạch Thị L và anh Lê Văn T trả lại diện tích đất đã lấn chiếm 16 m^2. Ngày 07-7-2022 anh N, chị Ng có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu chị L anh T trả lại phần 5,8m^2 đã lấn chiếm nên cần đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh Nguyễn Hoàng N và chị Đoàn Thanh Ng yêu cầu anh Lê Văn T và chị Mạch Thị L trả lại phần đất diện tích 10,2m^2. Theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm

a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Phan Thị Cẩm H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phan Thị Cẩm H là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ Khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

[3] Nguồn gốc đất của anh Nguyễn Hoàng N, chị Đoàn Thanh Ng và chị Mạch Thị L, anh Lê Văn T là do nhận tặng cho và thừa kế từ cha mẹ và hai bên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã T (nay là thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Nguyễn Hoàng N, chị Đoàn Thanh Ng ngày 04-9-2007, diện tích 936 m^2, thửa đất số 247, tờ bản đồ số 6, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ H01490-TB, đất tọa lạc tại ấp L, xã TB, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Chị Mạch Thị L và anh Lê Văn T được Ủy ban nhân dân thị xã T nay là thành phố T), tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 68, tờ bản đồ số 6, diện tích 112 m^2 tọa lạc tại ấp L, xã TB, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

[4] Xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng N , chị Đoàn Thanh Ng như sau:

Hai bên nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất trình bày ranh đất trước đây xác định bằng hàng cây vông. Vào năm 2007, chị Lan xây nhà và có thay đổi hàng rào ranh đất giữa các bên bằng hàng rào tường gạch 10 cm, vào năm 2019 chị Lan xây lại bằng hàng rào gạch tường 20 cm. Chị L , anh T trình bày mỗi lần sửa chữa hàng rào đều có mời các hộ liền kề đến để chứng kiến xác định ranh đất nhưng qua lời trình bày của anh Nguyễn Hoàng N, và những người làm chứng bà Nguyễn Thị U và bà Lê Thị S là các chủ sử dụng đất liền kề thì chị L anh T tự ý xây dựng và không mời các hộ liền kề chứng kiến. Chị L , anh Tcũng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Mặt khác qua kết quả đo đạc hiện trạng của Công ty TNHH Trắc địa bản đồ Miền Nam thể hiện: Trong phần diện tích đất thực tế chị L , anh T sử dụng có 5,8 m^2 đất thuộc quyền sử dụng đất của anh N, chị Ng đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận. Chị L , anh Thái là người đã trực tiếp thay đổi ranh đất bằng việc phá ranh đất cũ bằng hàng cây vông và xây lại bằng hàng rào gạch và không có sự thống nhất về ranh đất của nguyên đơn. Do đó yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

Giá trị phần đất tranh chấp 5,8 m^2 với đơn giá 3.570.000 đồng/m^2 đất theo biên bản định giá ngày 12-7-2022, thành tiền: 5,8 m^2 x 3.570.000 đồng = 20.706.000 đồng.

Nằm trên phần đất tranh chấp 5,8 m^2 có 01 giếng khoan và 01 hàng rào không kiên cố do anh T, chị L xây dựng, có kết cấu như sau: Móng chân rào xây gạch ống dày 20 cm, cao 0,5 m chưa gắn lưới rào B40, khoảng cách giữa các trụ là 2 m có diện tích (4,34m + 7,17m) x 0,5m = 5,755 m^2 có giá trị còn lại là 1.554.000 đồng. Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên buộc bị đơn phải tháo dỡ phần móng chân rào này và di dời giếng khoan. Tại phiên toà phía nguyên đơn trình bày tự nguyện trả cho bị đơn giá trị giếng khoan 2.500.000 đồng đồng thời chịu mọi chi phí phá dỡ hàng rào cũ và tự nguyện xây mới lại hàng rào ranh đất giữa các bên (nguyên đơn ước tính trị giá khoảng 3.000.000 đồng) nếu như được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên cần ghi nhận ý chí tự nguyện của nguyên đơn. Do đó, không buộc phía nguyên đơn trả giá trị hàng rào còn lại cho phía bị đơn.

[5] Đối với ý kiến trình bày của chị L, anh T yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét việc tặng cho đất của anh Nh cho anh N có hợp pháp hay không, Hội đồng xét xử nhận định anh Nh, chị H là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất diện tích đất 2435m^2, thửa đất số 76, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại ấp Tân Lập, xã Tân Bình, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh nên anh Nh, chị H có đầy đủ các quyền của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 179 Luật đất đai năm 2013 trong đó bao gồm quyền tặng cho quyền sử dụng đất cho người khác. Mặt khác, phần diện tích 54m^2 anh Nh, chị H tặng cho anh N, chị Ng nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho anh chị có vị trí ở phía Nam của thửa đất 247 của anh N, chị Ng, không tiếp giáp với phần đất của chị L, anh T, nên việc anh Nh, chị H tặng cho quyền sử dụng đất cho anh N, chị Ng cũng không ảnh hưởng gì đến việc xác định ranh đất giữa anh N, chị Ng với chị L, anh T. Việc anh Nh, chị H hiện đang sử dụng 10,2 m^2 của anh N, chị Ng do các đương sự này không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyế trong vụ án này.

[6] Đối với phần đất diện tích 2,5 m^2 hiện nay anh N, chị Ng đang sử dụng thuộc phần đất của chị L, anh T đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận, chị L, anh T xác định không có tranh chấp trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Ý kiến của Đại diện Viện kiếm sát nhân dân thành phố T phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[8] Chị Mạch Thị L , anh Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật. Anh N, chị Ng được hoàn lại một phần tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ghi nhận phía nguyên đơn tự nguyện chịu một phần chi phí đo đạc là 15.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 166, 179, 203 Luật đất đai năm 2013, Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2014:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng N , chị Đoàn Thanh Ng .

1.1. Buộc chị Mạch Thị L , anh Lê Văn T trả lại diện tích đất 5,8 m^2 cho anh Nguyễn Hoàng Ngân, chị Đoàn Thanh Nga đất có tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp thửa 68 dài 12,30 m

Phía Nam giáp thửa 247 dài 11,51 m

Phía Đông giáp thửa 247 dài 0,62 m

Phía Tây giáp đường 793 dài 0,16 m

1.2. Buộc chị Mạch Thị L , anh Lê Văn T phải tháo dỡ phần móng chân rào xây gạch ống dày 20 cm, cao 0,5 m chưa gắn lưới rào B40, khoảng cách giữa các trụ là 2 m có diện tích 5,755 m^2 và di dời 01 giếng khoan ra khỏi phần đất 5,8 m^2 nêu trên.

1.3. Ghi nhận anh Nguyễn Hoàng N , chị Đoàn Thanh Ng tự nguyện thanh toán cho chị Mạch Thị L , anh Lê Văn T giá trị giếng khoan là 2.500.000 đồng và chịu mọi chi phí liên quan đến việc tháo dỡ hàng rào cũ và tự nguyện xây mới lại hàng rào (trị giá khoảng 3.000.000 đồng) cho chị Mạch Thị Lan, anh Lê Văn Thái theo nội dung bản án đã tuyên nêu trên.

1.4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh Nguyễn Hoàng N và chị Đoàn Thanh Ng yêu cầu anh Lê Văn T và chị Mạch Thị L trả lại phần đất diện tích 10,2m^2

2. Về chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ: Chị Mạch Thị L , anh Lê Văn T phải chịu 19.000.000 đồng chi phí đo đạc và 1.800.000 đồng chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ. Anh Nguyễn Hoàng N , chị Đoàn Thanh Ng tự nguyện chịu 15.000.000 đồng chi phí đo đạc. Chị Mạch Thị L , anh Lê Văn T còn phải chịu các chi phí tố tụng còn lại tổng cộng 5.800.000 đồng. Anh Nguyễn Hoàng N , chị Đoàn Thanh Ng đã tạm ứng trước do đó buộc chị L, anh T hoàn lại số tiền 5.800.000 đồng (Năm triệu tám trăm nghìn đồng) cho anh Nguyễn Hoàng N , chị Đoàn Thanh Ng .

3. Về án phí: Chị Mạch Thị L , anh Lê Văn T phải chịu 1.035.000 đồng (Một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho anh Nguyễn Hoàng N , chị Đoàn Thanh Ng số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0001517 ngày 03-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai báo cho đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo vắng mặt trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- Chi cục THADS thành phố TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hạnh